

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày 14 -5 -2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Điều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trị

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án huyện NH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS, ngày 16-3-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108 /2021/QĐXXST-HS, ngày 15 -4-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116 /2021/QĐST-HS ngày 26-4-2021 đối với bị cáo:

Nguyễn D (tên gọi khác: không), sinh ngày 12/02/1988, tại huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Thôn XV, xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm: 1938 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1947, Bị can là con út trong gia đình có 7 anh, chị; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 18/12/2020, D có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại thôn XV, xã HD, bị công an huyện NH phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính. Ngày 31/12/2020 bị Công an huyện NH xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền, số tiền 500.000đ. Đến ngày 04/01/2021, D chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh Đỗ Thế K, sinh năm 1978. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn XV, xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1996. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố VT, thị trấn CC, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị Bạch C, sinh năm 1963. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn XV, xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Nguyễn Tấn D1, sinh năm 1990. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố BT, thị trấn CC, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Nguyễn D2, sinh năm 1982. Vắng mặt

Trú tại: Thôn XV, xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn D là đối tượng không có nghề nghiệp, có tiền sử về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02/01/2021, D nảy sinh ý định trộm cắp 02 cây mai (mai kiểng) đang trồng ở nền đất phía sau nhà của ông Đỗ Thế K (sinh năm 1978, ở cùng thôn) để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Nền sau đó, D đi ra phía sau vườn nhà của mình trèo qua tường rào vào chuồng bò sau nhà của bà Nguyễn Thị Bạch C lấy 01 cây cuốc rồi trèo qua bờ tường gạch vào vườn nhà ông K, dùng tay nhổ 01 cây mai có kích thước nhỏ và dùng cuốc đào nền đất rồi dùng tay nhổ 01 cây mai có kích thước lớn, sau đó D bỏ cây cuốc tại hiện trường và lấy từng cây mai đưa qua bờ tường gạch, cất giấu ở bờ rào phía dưới nhà D, rồi đi dạo chơi đợi đến khuya chở 02 cây mai đi bán. Trước đó, D biết anh Phạm Văn T1 đang có nhu cầu mua cây mai, nên khoảng 23 giờ ngày 02/01/2021, D điều khiển xe mô tô biển số 76X1-7465 chở 02 cây mai trộm cắp nêu trên đến nhà anh T1 để bán, khi đến nơi thì anh T1 đang ngủ nên D kêu cửa, khi gặp anh T1 thì D nói “*mua mai không tao bán cho 02 cây mai*”, anh T1 thấy 02 cây mai đang cột trên xe máy và hỏi D “*mai của ai ở đâu sao mua bán giờ này*” thì D nói “*mai ở nhà do D trồng, sợ nhỏ ban ngày ông già thấy la nên nhỏ ban đêm*”, D nói “*bán 02 cây mai với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)*”, anh T1 xem 02 cây mai và nói “*nếu mai của nhà anh thì để đó mai rồi tính, giờ này không mua bán gì*”, D đồng ý để lại 02 cây mai ở nhà anh T1 và nói anh T1 cho D mượn số tiền 500.000 đồng, anh T1 đưa cho D mượn số tiền 500.000 đồng, sau đó D điều khiển xe mô tô ra về. Sáng sớm ngày 03/01/2021, D đi bộ đến nhà T1 và đồng ý bán 02 cây mai cho anh T1 với giá tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), anh T1 trả thêm cho D số tiền 1.000.000 đồng, rồi D đi bộ rời khỏi nhà anh T1, tiền bán 02 cây mai nêu trên D sử dụng trả nợ cho anh Nguyễn Tấn D1 số tiền 400.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 04/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện NH có kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTTHS, kết luận: giá trị 02 cây mai mà D trộm cắp của ông K có giá trị là 4.000.000đ (bốn triệu đồng chẵn).

Cáo trạng số: 05/CT-VKS-NH, ngày 16/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Nguyễn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn D từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

- Về dân sự : Bị hại ông Đỗ Thế K đã nhận lại tài sản là 02 cây mai bị trộm cắp, ông không yêu cầu gì khác về dân sự; ông Phạm Văn T1 yêu cầu Nguyễn D trả lại số tiền 1.500.000đ mà T1 mua 02 cây mai D đem bán; nên cần buộc D phải trả lại số tiền trên cho ông T1.

Anh Nguyễn Tấn D1 yêu cầu Nguyễn D trả lại số tiền 400.000đ mà D nợ của D1, yêu cầu của anh D1 không liên quan đến vụ án, nên không được chấp nhận. Anh D1 có quyền khởi kiện yêu cầu Nguyễn D trả nợ trong một vụ án khác.

- Về vật chứng:

+ Đối với 01 (một) cây mai có cao 3m20, tán cây nơi rộng nhất 1m50, vành (hoành gốc - chu vi gốc) 38cm và 01 (một) cây mai có chiều cao 1m85, tán cây nơi rộng nhất 1m, vành (hoành gốc - chu vi gốc) 18cm. Đây là tài sản Nguyễn D trộm cắp của ông Đỗ Thế K nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông K theo quy định.

+ Đối với 01 (một) cây cuốc, phần cán bằng tre dài 185cm, phần lưỡi làm bằng kim loại kích thước (18x20) cm đây là dụng cụ D lấy để đào gốc mai, là tài sản của bà Nguyễn Thị Bạch C nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà C theo quy định.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 76X1-7465, nhãn hiệu MAJESTY, số khung 076705, số máy 076705. Tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của anh Nguyễn Đình Vũ nên cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Vũ theo quy định.

+ Số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) là một phần tiền Nguyễn D bán mai và D đã trả nợ cho Nguyễn Tấn D1, D1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT. Cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Về án phí: bị cáo Nguyễn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Nguyễn D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; có đủ khả năng hiểu biết và điều khiển hành vi của mình, biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì để thỏa mãn ham muốn và nhu cầu cá nhân có tiền mua ma túy sử dụng nên D đã lén lút đào trộm của ông Đỗ Thế K 02 cây mai có giá trị theo hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện NH là 4.000.000đ. Hành vi của D đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được bộ luật hình sự bảo vệ và làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng của địa phương. Hành vi của D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS.

Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra, và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cần áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, có tiền sự về việc sử dụng chất ma túy. Xét nhân thân của bị cáo xấu, do đó cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và để phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về dân sự: Bị hại ông Đỗ Thế K đã nhận lại tài sản là 02 cây mai bị trộm cắp, ông không yêu cầu gì khác về dân sự, nên không xem xét.

Ông Phạm Văn T1 yêu cầu Nguyễn D trả lại số tiền 1.500.000đ mà ông T1 đã bỏ ra mua 02 cây mai D đem bán là phù hợp nên chấp nhận.

Anh Nguyễn Tấn D1 yêu cầu Nguyễn D trả lại số tiền 400.000đ mà D nợ của D1, yêu cầu của anh D1 không liên quan đến vụ án, nên không được chấp nhận. Anh D1 có quyền khởi kiện Nguyễn D trả nợ trong một vụ án dân sự khác.

[7] Về xử lý vật chứng, tang vật của vụ án:

+ Đối với 01 (một) cây mai có cao 3m20, tàn cây nơi rộng nhất 1m50, vành (hoành gốc - chu vi gốc) 38cm và 01 (một) cây mai có chiều cao 1m85, tàn cây nơi rộng nhất 1m, vành (hoành gốc - chu vi gốc) 18cm. Đây là tài sản Nguyễn D trộm cắp của ông Đỗ Thế K, nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông K là đúng quy định.

+ Đối với 01 (một) cây cuốc, phần cán bằng tre dài 185cm, phần lưỡi làm bằng kim loại kích thước (18x20) cm đây là dụng cụ D lấy để đào gốc mai, là tài sản của bà Nguyễn Thị Bạch C nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà C là đúng theo quy định.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 76X1-7465, nhãn hiệu MAJESTY, số khung 076705, số máy 076705. Tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của anh Nguyễn Đình Vũ nên cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Vũ là đúng theo quy định.

+ Số tiền 400.000 đồng là một phần tiền Nguyễn D bán mai và D đã trả nợ cho Nguyễn Tấn D1, D1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT. Cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH về hình phạt, dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn D** (Tên gọi khác: không) phạm tội “Trộm cắp tài sản.

2- Xử phạt bị cáo **Nguyễn D** (Tên gọi khác: không) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 04/01/2021.

3. Về dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn D phải trả lại cho anh Phạm Văn T1 số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn D1 về việc yêu cầu Nguyễn D phải trả cho D1 số tiền 400.000đ mà D nợ của D1. Anh D1 có quyền khởi kiện Nguyễn D trả nợ trong một vụ án dân sự khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền 400.000 đồng được Công an huyện NH chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH theo tài khoản số 3949.0.1041648.00000 theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2021 giữa Công an huyện NH với Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH để bảo đảm thi hành án.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện NH;
- Cơ quan THAHS CA huyện NH;
- Nhà tạm giữ CA huyện NH;
- Cơ quan CSĐT CA huyện NH;
- Chi cục THADS huyện NH;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệu